

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2019/HS-ST
Ngày: 15 - 11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Hồng Hà và bà Trần Thị Khanh;

Thư ký phiên toà: Ông Mai Công Đức – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 44/2019/HSST ngày 29-10-2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/HSST- QĐ ngày 01-11-2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu K, sinh năm 1970 tại xã CH, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn NL, xã CH, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu H(ông H là thương binh loại A) và bà Bùi Thị V; có vợ là Triệu Thị L, sinh năm 1973 và 02 con (lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1996); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15-9-2019 đến ngày 17-9-2019; tại ngoại, có mặt.

2. Triệu Quang S, sinh năm 1986 tại xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: Thôn PQ, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Quang M và bà Bùi Thị M1; có vợ là Hoàng Thị D, sinh năm 1989 và 03 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15-9-2019 đến ngày 17-9-2019; tại ngoại, có mặt.

3. Lưu Xuân S1, sinh năm 1980 tại xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn PQ, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Xuân H và bà Phạm Thị Th; có vợ là Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1983(đã ly hôn) và 02 con (lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15-9-2019 đến ngày 17-9-2019; tại ngoại, có mặt.

4. Phạm Đức T, sinh năm 1984 tại xã CH, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn QK, xã CH, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức M2 và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Bùi Thị Th2, sinh năm 1989 và 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Ngày 13-5-1999, Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng đến ngày 28-02-2001 đã chấp hành xong.

+ Ngày 07-10-2005, Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích, phạt cảnh cáo.

+ Bản án số 57 ngày 29-11-2006, Tòa án nhân dân thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xử phạt 03 năm tù, về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15-9-2019 đến ngày 17-9-2019; tại ngoại, có mặt.

5. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990, tại xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn PQ, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị M3; có vợ là Đặng Thị Ng, sinh năm 1992 và 02 con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15-9-2019 đến ngày 17-9-2019; tại ngoại, có mặt.

6. Phạm Văn T2, sinh năm 1983, tại xã CH, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn QK, xã CH, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức H1 và bà Nguyễn Thị V; có vợ là Trương Thị Sao L, sinh năm 1985(đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15-9-2019 đến ngày 17-9-2019; tại ngoại, có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn Th3, sinh năm 1990 (vắng mặt);
- Anh Nguyễn Văn Th4, sinh năm 1988(vắng mặt);
- Chị Đỗ Thị H2, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Đều trú tại: thôn PQ, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 15-9-2019, Triệu Quang S, Lưu Xuân S1, Nguyễn Hữu K, Nguyễn Văn T1 đi bộ đến nhà anh Nguyễn Văn Th4 ở thôn PQ, xã CĐ, huyện CG chơi (gia đình anh Th4 có quán pi a, anh Th4 không có nhà) thì gặp anh Nguyễn Văn Th3 là em ruột anh Th4 cũng đến chơi. Thấy trong nhà có bộ bài tú lơ nhên S, S1, K, T1 rủ nhau đánh chơi đánh liêng ăn tiền. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày S, S1, K, T1 ngồi xuống nền nhà tại phòng khách để chơi; anh Th3 nằm ở giường không tham gia đánh bạc. Trước khi chơi cả nhóm thống nhất cách thức chơi và mức độ sát phạt như sau: mỗi người chơi phải đặt cược 50.000đ gọi là tiền gà, sau đó người cầm cái chia cho mỗi người ba quân bài và là người được tổ trước, nếu không tổ thì những người bên cạnh sẽ được tổ theo thứ tự từ trái sang phải. Lần lượt những người tham gia có thể theo tổ, nếu không theo tổ thì úp bài xuống, người nào theo thì đặt tiếp vào tiền gà nhưng không quá 500.000đ, người úp bài sẽ bị mất 50.000đ đã đặt vào tiền gà trước đó, còn những người theo tổ sẽ so điểm với nhau. Nếu bài người chơi có 3 quân liên kề nhau không cần cùng chất nhưng theo thứ tự tăng dần: Q, K Át là to nhất của liêng; ngoài ra 3 quân cùng loại gọi là Sáp, trong đó 3 quân Át là to nhất, 3 quân 2 là nhỏ nhất. Nếu không có liêng hoặc Sáp thì những người chơi sẽ cộng và tính điểm 3 quân bài trên tay theo quy ước 10, J, Q, K là không điểm; Át là 1 điểm, 2 là 2 điểm ... 9 là 9 điểm. Bài có tổng số điểm 9 là to nhất; nếu trong trường hợp có hai hoặc nhiều người bằng điểm nhau thì tính đến chất, lớn nhất là rô rồi đến cơ, tép, bích. Át là to nhất rồi đến K, Q ... và 2 là nhỏ nhất. Người thắng ván trước sẽ là người cầm cái ván sau.

Khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày thì Phạm Văn T, Phạm Văn T2 đến nhà anh Th4 và cùng tham gia chơi. Các bị cáo chơi đến 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Giàng phát hiện, bắt quả tang có sự chứng kiến của anh Nguyễn Văn Th3; thu giữ 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 5.800.000đ tại nền nhà; thu giữ trong người S1 3.000.000đ; S 2.800.000đ; T 2.500.000đ; T1 1.600.000đ; K 3.900.000đ. Các bị cáo đều xác nhận số tiền cất giữ trong người sẽ dùng để đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 19.600.000đ. Quá trình điều

tra các bị cáo khai trước khi chơi S1 có 3.000.000đ, K có 5.300.000đ, T1 có 1.900.000đ, S có 5.000.000đ, T có 2.500.000đ, T2 có 1.900.000đ.

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 29-10-2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo Triệu Quang S, Lưu Xuân S1, Nguyễn Hữu K, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn T và Phạm Văn T2 về tội đánh bạc, theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi chơi liêng ăn tiền và khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt là đúng, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng giữ nguyên bản cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Về hình phạt chính: Tuyên các bị cáo Triệu Quang S, Lưu Xuân S1, Nguyễn Hữu K, Nguyễn Văn T1, Phạm Đức T, Phạm Văn T2, phạm tội đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K từ 14 đến 16 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 đến 32 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Triệu Quang S từ 14 đến 16 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 đến 32 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Lưu Xuân S1 từ 12 đến 14 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 28 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 10 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 02 ngày tạm giữ bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ), thời hạn tính từ ngày UBND xã nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, u khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS. Xử phạt bị cáo Phạm Đức T từ 10 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 02 ngày tạm giữ bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ), thời hạn tính từ ngày UBND xã nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T2 từ 20 đến 30 triệu đồng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 19.600.000đ. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc các bị cáo S, S1, K, T1, T, T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng trong phiên tòa: các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, lời khai của người làm chứng tại cơ quan điều tra; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang vào hồi 14 giờ 35 phút ngày 15-9-2019, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 13 giờ 30 phút đến 14 giờ 30 phút ngày 15-9-2019, tại nhà của anh Nguyễn Văn Th4 ở thôn PQ, xã CD, huyện CG, tỉnh HD, Triệu Quang S, Lưu Xuân S1, Nguyễn Hữu K, Nguyễn Văn T1, Phạm Đức T và Phạm Văn T2 đã có hành vi chơi đánh liêng ăn tiền thì bị phát hiện, bắt quả tang thu giữ tại vị trí ngồi chơi và trong người các bị cáo tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 19.600.000đ; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chơi liêng ăn tiền là vi phạm pháp luật, song vì háo lợi kiếm tiền nhanh nên các bị cáo vẫn cố ý sát phạt lẫn

nhau. Xét về hành vi và số tiền sử dụng đánh liêng của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo Triệu Quang S, Lưu Xuân S1, Nguyễn Hữu K, Nguyễn Văn T1, Phạm Đức T và Phạm Văn T2 về tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an trong thôn xóm, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh xã hội của địa phương.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất đồng phạm giản đơn vì không có sự chuẩn bị trước, không có tổ chức cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm; quá trình điều tra không xác định được ai là người đề xuất;

Xét vai trò: bị cáo K và S dùng số tiền nhiều nhất (5.300.000đ, 5.000.000đ) và tham gia đánh bạc từ đầu nên giữ vai trò thứ nhất. Bị cáo S1 cũng tham gia từ đầu với số tiền đánh bạc nhiều thứ hai (3.000.000đ) nên giữ vai trò thứ hai; bị cáo T1, T và T2 sử dụng đánh bạc với số tiền ít (2.500.000đ, 1.900.000đ), lại vào sau nên đồng phạm giữ vai trò thứ ba. Căn cứ Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, cần xem xét để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự(TNHS):

- Về nhân thân: Các bị cáo K, S, T1, S1, T2 đều là những người có nhân thân tốt. Riêng bị cáo T đã bị xét xử về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ vào năm 2006.

- Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, cả 6 bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; các bị cáo K, S1, S, T1, T2 lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo K, S1, S, T1, T2 đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo T sau khi thực hiện hành vi phạm tội, ngày 17-10-2019 đã lập công tố giác tội phạm; vụ án bị cáo tố giác đã được khởi tố, truy tố và xét xử nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo K và S1 có bố là thương binh nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, xét vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, nhận thấy các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng, số tiền đánh bạc ít nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà có thể cho các bị cáo được tại ngoại, cải tạo không

giám giữ tại địa phương hoặc phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều ở nông thôn, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là lao động chính trong gia đình, không có việc làm thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Thời gian đánh bạc không dài; tiền sử dụng đánh bạc không lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân là công cụ các bị cáo dùng đánh bạc, cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Số tiền 19.600.000đ là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[8] Các vấn đề khác: Đối với anh Nguyễn Văn Th4 và chị Đỗ Thị H2 là chủ nhà không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà mình nên không có căn cứ xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn Th3 có mặt tại nhà anh Th4 khi các đối tượng đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo K, S, S1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo K và S1.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu K, bị cáo Triệu Quang S và bị cáo Lưu Xuân S1 phạm Tội đánh bạc;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K 12 (*mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Triệu Quang S 12 (*mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lưu Xuân S1 10 (*mười*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu K cho UBND xã Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Giàng; giao bị cáo Triệu Quang S và bị cáo Lưu Xuân S1 cho UBND xã Cẩm Định, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo K, S, S1 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp các bị cáo K, S, S1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T1; điểm s, u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T1 và T.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1, bị cáo Phạm Đức T phạm Tội đánh bạc

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 08 (*tám*) tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 02 ngày tạm giữ (từ ngày 15-9-2019 đến ngày 17-9-2019) bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành tiếp 07(*bảy*) tháng 24(*hai mươi tư*) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã Cẩm Định, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo T1 trong thời gian cải tạo không giam giữ sung vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo T1 cho UBND xã Cẩm Định, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Phạm Đức T 08 (*tám*) tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 02 ngày tạm giữ (từ ngày 15-9-2019 đến ngày 17-9-2019) bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành tiếp 07(*bảy*) tháng 24(*hai mươi tư*) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo T trong thời gian cải tạo không giam giữ sung vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo T cho UBND xã Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T2 phạm Tội đánh bạc

Phạt bị cáo Phạm Văn T2 22.000.000đ (*hai mươi hai triệu đồng*).

Biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 19.600.000đ, được niêm phong trong 06 (*sáu*) bì thư có chữ ký của những người liên quan và dấu niêm phong của Công an xã Cẩm Định, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài;

(*Tiền và vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08-11-2019*).

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các bị cáo K, S, S1, T, T1, T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Công an huyện Cẩm Giàng;
- Cơ quan THA hình sự CG
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương.
- Chi cục THADS H.Cẩm Giàng.
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, lưu VP

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thúy